

Số: /QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Kết luận số 250-KL/TU ngày 09/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về tiếp tục thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2617/TTr-SNN ngày 22/7/2022.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Đề án chi tiết kèm theo) với các nội dung chủ yếu như sau:

##### A. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

##### I. Quan điểm tái cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn

1. Tiếp tục phát huy ưu thế của Tỉnh về sản xuất nông nghiệp làm động lực phát triển kinh tế, xã hội hiệu quả và bền vững. Lấy tái cơ cấu ngành nông nghiệp làm trọng tâm tái cơ cấu kinh tế chung của Tỉnh.

2. Đổi mới mạnh mẽ tư duy “kinh tế nông nghiệp”, chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa trên số lượng sang mô hình tăng trưởng dựa trên chất lượng nhờ ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp theo chiều sâu và bảo vệ môi trường. Nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản thông qua tích hợp các giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, phát triển chế biến sâu, xây dựng thương hiệu hàng hóa.

3. Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, phát triển bền vững, góp phần đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình

tăng trưởng. Phát triển nông nghiệp hàng hoá, tập trung, quy mô lớn theo hướng hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Tiếp tục phát triển các sản phẩm chủ lực (lúa, xoài, hoa kiểng, cá tra, sen) và các ngành hàng có tiềm năng tại các địa phương (vịt, nhãn, quýt hồng, heo, bò,...). Hình thành các vùng chuyên canh nông sản hàng hoá chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm, gắn với chỉ dẫn địa lý, mã vùng trồng và truy xuất nguồn gốc. Phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tập trung, hiện đại, hướng về xuất khẩu. Lấy liên kết sản xuất và tiêu thụ làm trung tâm của quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

4. Tổ chức lại sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện cụ thể từng ngành hàng gắn với nhu cầu và đáp ứng những tiêu chí, tiêu chuẩn của thị trường để bảo đảm kênh phân phối, tiêu thụ sản phẩm. Phát triển, tổ chức lại thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

5. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ (KH-CN), trên cơ sở bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Tăng cường chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến để nâng cao giá trị ngành nông nghiệp, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, nâng cao năng lực thông kê, dự báo thông tin thị trường, công khai về sản phẩm, dịch vụ KH-CN và chính sách phục vụ sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp.

6. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành Nông nghiệp (TCCNN) và bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và kinh tế chia sẻ. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, theo hướng đào tạo nông dân chuyên nghiệp. Đào tạo nghề phụ cho nông dân, tăng cơ hội việc làm và thu nhập, góp phần chuyển dịch lao động ra khỏi lĩnh vực nông nghiệp. Chủ động và kiên quyết tổ chức quá trình chuyển đổi lao động ra khỏi nông nghiệp thông qua các kênh thị trường đa dạng từ Chương trình đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng đến tạo việc làm mới trong và ngoài Tỉnh.

## **II. Mục tiêu**

### **1. Mục tiêu chung**

TCCNN tỉnh Đồng Tháp theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân chuyên nghiệp, chuyên mạnh từ tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang tư duy “kinh tế nông nghiệp”, phát triển kinh tế nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá nông thôn đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Tập trung phát triển và xây dựng các chuỗi ngành hàng chủ lực, có tiềm năng, thế mạnh. Phát triển nông nghiệp giúp cho nông dân giàu có, đóng góp nhiều hơn cho phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Bảo đảm thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp xanh, sạch, có trách nhiệm với cộng đồng; đẩy mạnh liên kết giữa sản xuất và thị trường, ứng dụng KH-CN; chuyên môn hóa nông dân, tạo việc làm ổn định, chuyển dịch lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp; nâng cao thu nhập, đời sống của dân cư nông thôn; bảo vệ

môi trường sinh thái và xây dựng nông thôn mới là nơi yên bình, văn minh, kinh tế ổn định và là nơi đáng sống.

## **2. Mục tiêu đến năm 2025**

- Duy trì tăng trưởng GRDP nông, lâm, thủy sản bình quân 3,5%/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 1,6 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo của Tỉnh còn dưới 3%.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động giảm xuống còn dưới 40% trong tổng số lao động xã hội. Hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có kỹ năng sản xuất và quản lý, tăng tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt 20%.
- Thành lập mới ít nhất 35 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp. Nâng cao năng lực cho HTX nông nghiệp, 100% cán bộ HTX nông nghiệp được đào tạo các kỹ năng lập kế hoạch, quản trị, tiếp cận thị trường; phát huy mô hình hội quán.
- Thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp. Phân đầu 80% thủ tục hành chính thuộc ngành nông nghiệp quản lý đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức 4. 50% cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo các cấp quản lý (tỉnh, huyện, xã) được số hóa. Xây dựng và phát triển hệ sinh thái nông nghiệp số áp dụng từ cấp tỉnh, huyện, xã (phát triển phần mềm, ứng dụng thiết bị thông minh) giúp quản lý nông nghiệp số và phát triển kinh tế nông nghiệp số đảm bảo điều kiện tích hợp được vào hệ thống dữ liệu của tỉnh và bộ, ngành trung ương. Trên 60% nông dân biết ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (*IoT*) vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, mua bán trực tuyến; 100% sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã, phường một sản phẩm (*OCOP*) có mặt trên các sàn thương mại điện tử.
- Có ít nhất 90% xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), trong đó, có 30% xã nông thôn mới đạt chuẩn NTM nâng cao, 10% xã NTM nâng cao đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; có thêm 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn huyện NTM và 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn huyện NTM nâng cao; có 98% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch.
- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn. Từng bước hiện đại hóa nông nghiệp, ứng dụng KHCN, cơ giới hóa, áp dụng triệt để tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất lúa gạo, xoài, hoa kiểng, cá tra và sen; đảm bảo an toàn sinh học trong chăn nuôi. Tỷ lệ diện tích vùng trồng tập trung được cấp mã số theo quy định đạt 100%.

## **3. Mục tiêu đến năm 2030**

- Tốc độ tăng trưởng GRDP nông - lâm - thủy sản 3,5 - 3,8%/năm giai đoạn 2026 - 2030. Giá trị sản xuất 01 ha đất trồng trọt đạt 183 triệu đồng, giá trị sản xuất 01 ha đất nuôi trồng thủy sản đạt 3.204 triệu đồng.
- Phát triển đồng bộ các vùng chuyên canh nông nghiệp với các cụm công nghiệp - dịch vụ trung tâm có kết cấu hạ tầng hiện đại. Hoàn thiện kinh tế hợp

tác, trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp, hiệp hội, và liên kết dọc theo ngành hàng, kết nối giữa sản xuất - chế biến - kinh doanh.

- Thành lập HTX nông nghiệp mới theo chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế tập thể Tỉnh đề ra, phát triển và nâng chất hoạt động các mô hình hội quán, tổ hợp tác.

- Thúc đẩy chuyên đổi số trong nông nghiệp. Phân đầu 100% thủ tục hành chính thuộc ngành nông nghiệp quản lý đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức 4. 80% cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo các cấp quản lý (tỉnh, huyện, xã) được số hóa. Xây dựng và phát triển hệ sinh thái nông nghiệp số đồng bộ áp dụng từ cấp tỉnh, huyện, xã (phát triển phần mềm, ứng dụng thiết bị thông minh) giúp quản lý nông nghiệp số và phát triển kinh tế nông nghiệp số đảm bảo điều kiện tích hợp được vào hệ thống dữ liệu của tỉnh và bộ, ngành trung ương. Trên 80% nông dân biết ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (*IoT*) vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, mua bán trực tuyến trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Tạo bước đột phá trong khởi nghiệp và phát triển đội ngũ doanh nhân nông thôn. Phát triển kinh tế dịch vụ, thương mại, du lịch nông thôn để thu hút lao động nông thôn, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp.

- Hoàn thành Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng NTM, có 100% đơn vị huyện hoàn thành hoặc đạt chuẩn NTM, 100% xã đạt chuẩn NTM, trong đó có 50% xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 10% xã đạt NTM kiểu mẫu.

- Bảo vệ tài nguyên tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển nền “nông nghiệp xanh”; cải thiện căn bản năng lực phòng chống thiên tai, dịch bệnh; nâng cao năng lực quản lý rủi ro để sẵn sàng ứng phó với các tác động xấu của biến đổi khí hậu.

## **B. ĐỊNH HƯỚNG TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG THÁP**

### **I. Định hướng chung**

TCCNN nhằm tối đa hóa tiềm năng, lợi thế trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Tổ chức sản xuất nông nghiệp trên cơ sở cơ cấu lại nội bộ ngành, cơ cấu lại lao động, quy hoạch đồng bộ với kết cấu hạ tầng hiện đại; gắn sản xuất với tiêu thụ trên cơ sở phát huy vai trò của kinh tế hợp tác, liên kết đa dạng. Mục đích cuối cùng là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn, phát triển bền vững.

### **1. Tiếp tục cơ cấu lại ngành Nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng toàn ngành**

- Tiếp tục tuyên truyền, chuyển đổi tư duy của cán bộ lãnh đạo các cấp, của người sản xuất từ “sản xuất nông nghiệp” sang làm “kinh tế nông nghiệp” gắn với thị trường theo chuỗi ngành hàng, đa giá trị. Cán bộ lãnh đạo các cấp đổi mới tư duy từ quản lý hành chính sang tạo động lực phát triển, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần phát triển.

- Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực (lúa, xoài, hoa kiểng, cá tra, sen) và các ngành hàng có tiềm năng tại các địa phương (vịt, nhãn, quýt hồng, heo, bò,...) theo hướng sản xuất quy mô lớn, tập trung, theo chuỗi giá trị và từng bước tiến hành tiêu chuẩn hóa hệ thống nuôi trồng gắn với mã số vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển cân đối nhu cầu và đáp ứng yêu cầu thị trường, đẩy mạnh sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt và tương đương, tăng cường chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Xây dựng thí điểm một số mô hình cụm ngành liên kết gắn chặt chế biến với sản xuất và dịch vụ hỗ trợ cho một số sản phẩm chủ lực.

- Hỗ trợ phát triển các sản phẩm gắn với lợi thế của từng địa phương theo Chương trình OCOP, nâng cao chất lượng, mẫu mã và đưa các giá trị văn hóa xã hội vào nhằm nâng cao giá trị sản phẩm. Tập trung vào các sản phẩm đặc sản nhằm phát huy bản sắc, lợi thế của địa phương, có giá trị cao, gắn với xây dựng NTM, kết hợp du lịch theo Chương trình OCOP. Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa; tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm tiếp tục đẩy mạnh thương hiệu OCOP của Đồng Tháp trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác theo tiêu chuẩn bền vững, xây dựng vùng chuyên canh, cấp mã số vùng trồng, giảm các yếu tố đầu vào (phân, thuốc, giống, nước) nhằm nâng cao hiệu quả, giảm phát thải, bảo vệ môi trường đất, môi trường nước.

- Ứng dụng các mô hình nông nghiệp tiên tiến, xu hướng mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường như nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ,...

- Hướng tới nền nông nghiệp xanh, phát thải carbon thấp thân thiện với môi trường, nền nông nghiệp đầu tư có trách nhiệm, minh bạch. Sử dụng hiệu quả tài nguyên tự nhiên theo hướng bền vững trên cơ sở tiết kiệm và bảo vệ các nguồn tài nguyên nước, nâng cao hiệu suất sử dụng và chất lượng đất đai bằng cách tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ, vi sinh; bảo vệ đa dạng sinh học; phòng chống thiên tai. Có phương pháp hiệu quả để giảm mạnh việc sử dụng phân hoá học và thuốc bảo vệ thực vật.

## **2. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến**

- Tổ chức sản xuất đồng bộ trong cả chuỗi giá trị thông qua phát triển liên kết ngang giữa các tác nhân (kinh tế hộ, nông trang, trang trại, Hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp nông nghiệp,...), liên kết dọc theo toàn chuỗi giá trị (với các doanh nghiệp đầu vào, đầu ra) để đảm bảo quy mô sản xuất hàng hóa lớn. Huy động doanh nghiệp đóng vai trò dẫn dắt chuỗi giá trị nông nghiệp; thí điểm mô hình doanh nghiệp góp cổ phần trong HTX, chủ động xây dựng HTX trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh doanh nông nghiệp trong Tỉnh

- Tập trung phát triển các tổ chức kinh tế tập thể, đặc biệt là HTX, hội quán, trong vai trò điều phối hợp tác giữa các hộ sản xuất, liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ.

- Phát triển năng lực kinh tế tư nhân chú trọng phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa, trang trại nông nghiệp. Tiếp tục phát triển mạnh các doanh nghiệp khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, đặc biệt là chế biến sâu nông sản, ứng dụng công nghệ cao thân thiện với môi trường và có sự lan tỏa lợi ích cao. Xây dựng các câu chuyện, phim ảnh, clip để quảng bá các sản phẩm khởi nghiệp gắn với văn hoá địa phương.

- Ưu tiên phát triển các chuỗi giá trị ngành hàng. Đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng các vùng chuyên canh, dịch vụ kỹ thuật để đảm bảo sản xuất hiệu quả, hỗ trợ cơ giới hóa và sản xuất quy mô lớn; hình thành cụm hạt nhân trong mỗi vùng chuyên canh có cơ sở hạ tầng hiện đại (gồm các trung tâm dịch vụ kỹ thuật, cung cấp đầu vào, chế biến, thương mại,...) nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Huy động các cơ chế liên kết trong chuỗi giá trị để cung cấp vật tư, đảm bảo chất lượng, giá ổn định, phù hợp, ứng dụng KHCN, cung cấp tín dụng, phòng chống rủi ro, bảo vệ môi trường nhằm xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, tiến đến hình thành thương hiệu, nhãn mác đồng bộ trong chuỗi giá trị. Đảm bảo chia sẻ hợp lý thu nhập và rủi ro cho tất cả các tác nhân trong chuỗi giá trị; ngăn chặn tình trạng doanh nghiệp lợi dụng nông dân, thất tín giữa nông dân với doanh nghiệp, cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp; xử lý “bẫy tín dụng” để phát triển liên kết chuỗi và hợp đồng nông sản. Xây dựng và thực hiện các hợp đồng kinh tế chặt chẽ trước khi đầu tư sản xuất.

### **3. Phát triển công nghiệp chế biến nông sản**

- Phát triển công nghiệp chế biến hướng đến phát triển bền vững trên cơ sở tăng dần hàm lượng công nghệ và tri thức trong sản phẩm; đồng thời tích cực bảo vệ môi trường theo định hướng tăng trưởng xanh.

- Huy động đầu tư vào các điểm có giá trị gia tăng cao (chế biến tinh, chế biến sâu, chế biến phụ phẩm...) và những ngành hàng, những lĩnh vực có tiềm năng thị trường và giá trị gia tăng cao.

- Duy trì tỷ trọng công nghiệp chế biến trên 97% giá trị sản xuất công nghiệp; tiếp tục thu hút đầu tư vào các lĩnh vực chiết xuất hương liệu, phát triển vật liệu mới, công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực cơ khí chế tác, điện - điện tử, nhựa - bao bì - in, công nghiệp phục vụ logistics nhằm từng bước đa dạng hóa các ngành nghề công nghiệp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp chủ lực trong lĩnh vực chế biến thủy sản, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, xay xát lau bóng, chế biến thực phẩm, dược phẩm trong việc mở rộng công suất, cải tiến trang thiết bị và công nghệ, đào tạo lao

động chất lượng cao, chủ động tiếp cận thị trường theo hướng vượt qua các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS), hàng rào kỹ thuật thương mại (TBT).

- Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đa dạng hóa sản phẩm<sup>1</sup>. Đặc biệt, xây dựng thương hiệu nông nghiệp của Tỉnh và góp phần xây dựng thương hiệu nông nghiệp quốc gia dựa trên hình ảnh của sen, lúa gạo, xoài, cá tra.

#### **4. Phát triển thị trường**

##### **4.1. Với thị trường trong nước**

- Tiếp tục phát triển thị trường trong nước bằng cách hoàn thiện mô hình xây dựng niềm tin với khách hàng như “Vườn nhà tôi - Ruộng nhà mình”, đẩy mạnh các kênh bán hàng kết nối tiêu thụ nông sản qua sàn thương mại điện tử và trung tâm giới thiệu nông sản.

- Phát triển ngành dịch vụ logistics trong chế biến và tiêu thụ nông sản; thương mại nông nghiệp điện tử và kết nối thị trường.

- Phát triển liên kết công - tư nhằm khuyến khích tư nhân tham gia cung cấp các hàng hóa và dịch vụ công có thể đem lại lợi nhuận nhưng tư nhân khó có thể tự thực hiện được nếu không có sự hỗ trợ của nhà nước (các trục đường chính, cầu cảng, kho tàng, khuyến nông, cấp nước, cấp điện,...).

##### **4.2. Với thị trường quốc tế**

- Tham gia sâu, rộng vào hệ thống phân phối tại các thị trường khu vực. củng cố vững chắc và từng bước mở rộng thị phần hàng hóa của Tỉnh tại các thị trường truyền thống<sup>2</sup>; đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tập trung và tạo bước đột phá mở rộng thị trường xuất khẩu mới, tiềm năng.

- Khai thác và tận dụng tốt cơ hội mở cửa thị trường theo lộ trình cắt giảm thuế quan và dỡ bỏ các rào cản phi thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu; nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hóa của Tỉnh sang các thị trường đã ký Hiệp định thương mại tự do; tranh thủ hoạt động đàm phán thương mại song phương và đa phương, tạo thuận lợi cho xuất khẩu những mặt hàng thế mạnh của Tỉnh; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước phát triển đã ký hiệp định để tiếp nhận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia ngày càng sâu hơn vào chuỗi cung ứng.

- Phát triển các thị trường xuất khẩu chất lượng cao (Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản,...); phát triển các thị trường mới có quy mô lớn đặc biệt là các thị trường mới nổi (như Trung Quốc) và các nước lân cận. Tại thị trường trong nước, duy trì và phát triển các thị trường truyền thống (đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam Bộ) trên cơ sở phát triển công nghiệp chế biến theo hướng chế biến tinh, chế biến sâu, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, tiếp thị, vận chuyển hàng hóa. Bên cạnh đó, cần chú ý phát triển thị trường mới tại các tỉnh thành miền Bắc.

<sup>1</sup> như: chế biến súc sản, trái cây, rau màu, sản xuất phụ phẩm từ công nghiệp lúa gạo (tinh bột, bánh, dầu, chế phẩm sinh học), công nghiệp chế biến thủy sản (mỡ cá, dầu sinh học, collagen, gelatin), công nghiệp dược phẩm (đông dược, thực phẩm chức năng)...

<sup>2</sup> bao gồm Đông Nam Á, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ô-xtrây-li-a, Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu (EU), Nga và các nước Đông Âu...

## **5. Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân nông thôn**

Cùng với phát triển nông nghiệp, chú trọng phát triển kinh tế nông thôn, rút lao động ra khỏi ngành sản xuất nông nghiệp để giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập cho lao động nông thôn, gắn chặt cơ cấu lại ngành Nông nghiệp với xây dựng NTM:

- Duy trì, nâng cao chất lượng các xã đạt chuẩn, phát động xây dựng NTM theo tiêu chí nâng cao, NTM kiểu mẫu. Nhân rộng mô hình hội quán hướng đến phát huy tinh thần tự chủ, tự quản của người dân tham gia quản trị địa phương, nhằm nâng cao vai trò trung tâm gắn kết cộng đồng trong việc chia sẻ các mô hình sản xuất mới, ứng dụng khoa học công nghệ,... làm cơ sở cho việc hình thành tổ hợp tác, HTX theo hướng đa dịch vụ thông minh; kết hợp xây dựng xã NTM gắn với “Làng thông minh”, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, chú trọng xây dựng diện mạo nông thôn trở thành nơi đáng sống.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình khởi nghiệp và Chương trình OCOP trên cơ sở tổ chức lại sản xuất làng nghề kết hợp với canh tác công nghệ - kỹ thuật cao, ứng dụng công nghệ mới, kết hợp với du lịch trải nghiệm và phát triển thương mại điện tử,... nhằm nâng cao mức sống người dân nông thôn, giảm nghèo bền vững và xây dựng NTM.

- Phát triển tài nguyên con người trên cơ sở đổi mới căn bản và toàn diện công tác giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục phổ thông và đào tạo nghề trên địa bàn; đồng thời có chính sách thu hút trí thức (chuyên gia, lao động chất lượng cao) từ bên ngoài về Tỉnh làm việc và sinh sống.

- Tiếp tục thu hút, khuyến khích doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ, chế biến đầu tư vào nông thôn, đặc biệt là các ngành sử dụng nhiều lao động, để từng bước giảm tình trạng di cư lao động từ nông thôn ra thành thị, đảm bảo “ly nông bất ly hương”.

- Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn, đặc biệt là phát triển du lịch gắn với nông nghiệp, đa dạng hóa các loại hình, quy mô... để tạo việc làm thu hút lao động không tham gia sản xuất nông nghiệp.

- Có lộ trình chính thức hóa “lao động phi chính thức” rút ra từ nông nghiệp thông qua chính sách chủ động đăng ký, quản lý đội ngũ lao động, kết hợp với số hóa định danh dân cư. Hỗ trợ hình thành các tổ chức kinh tế chính thức (HTX, doanh nghiệp, hộ nghề có đăng ký, tổ chức của hội nông dân...) để lao động có hợp đồng làm việc chính thức. Tiếp tục gắn kết với các tổ chức đào tạo lao động bài bản và lao động đi làm việc có thời hạn theo hợp đồng ở nước ngoài.

## **6. Định hướng tăng cường liên kết vùng**

- Xây dựng và phát triển liên kết vùng (trong và ngoài Tỉnh) dựa trên hai quy hoạch chính về giao thông và quy hoạch vùng, tạo cơ sở cho liên kết vùng



về kinh tế thông qua phát triển vận chuyển hàng hóa, thu hút đầu tư, dịch chuyển lao động.

- Phát triển các cụm công nghiệp dệt may, da giày trên cơ sở thu hút các doanh nghiệp từ Thành phố Hồ Chí Minh đến đầu tư tại các vùng đông dân ở phía Nam của Tỉnh để hút lao động ra khỏi nông nghiệp. Còn lại chủ yếu là phát triển công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ cho nông nghiệp.

- Phát triển nghiên cứu khoa học và dịch vụ theo hướng đưa Tỉnh trở thành trung tâm cung cấp giống một số thủy sản có thể mạnh và hoa kiểng, thức ăn gia súc và thủy sản cho cả vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Đối với các mặt hàng khác, tùy theo hoàn cảnh cụ thể, nghiên cứu liên kết với các trung tâm nghiên cứu khoa học lớn trong vùng hoặc thành lập các trung tâm khoa học ứng dụng nếu có nhu cầu thị trường và có tính kinh tế theo quy mô.

- Tiếp tục đẩy mạnh Đề án liên kết tiểu vùng Đồng Tháp Mười, Kế hoạch phối hợp Mekong Connect 04 tỉnh ABCD (An Giang, Bến Tre, thành phố Cần Thơ và Đồng Tháp), triển khai trong điều tiết lũ, điều tiết giữa trồng lúa và nuôi trồng thủy sản, kiểm soát nước mặt, nước ngầm.

- Thay đổi tư duy về an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp ĐBSCL dựa vào cây lúa; xoay trục chiến lược sang thủy sản - trái cây - lúa gạo phù hợp với thị trường, dựa trên hệ thống canh tác đã hình thành và từng bước điều chỉnh theo lộ trình, tránh thay đổi quá nhanh làm ảnh hưởng đến đời sống người dân.

- Tận dụng tối đa các cơ hội và lợi thế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế để thúc đẩy phát triển sản xuất, mở rộng thị trường cho nông sản trong vùng.

- Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng.

- Xây dựng chương trình hoặc các dự án phát triển giống cây trồng, vật nuôi chủ lực phục vụ cho Tỉnh và định hướng cung cấp cả ĐBSCL.

## **II. Định hướng phát triển một số ngành hàng chủ lực**

### **1. Phát triển ngành hàng lúa gạo**

- Phát triển ngành hàng gạo trở thành ngành hàng xuất khẩu chủ lực quốc gia theo hướng bền vững, đảm bảo hiệu quả, chất lượng, an toàn, có giá trị gia tăng cao và theo nhu cầu thị trường.

- Phân đầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng các loại cây ăn trái, cây hàng năm khác có giá trị kinh tế cao, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho hộ sản xuất nhưng vẫn đảm bảo đến năm 2025 diện tích gieo trồng lúa toàn Tỉnh tối thiểu là 470.940 ha, sản lượng đạt trên 3 triệu tấn<sup>3</sup>; Phân đầu diện tích sản xuất lúa hữu cơ đến năm 2025 đạt trên 600 ha; Phân đầu đến năm 2025, có trên 42.000 ha lúa được cấp mã số vùng trồng.

<sup>3</sup> Quyết định 1651/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phê duyệt dự án “Rà soát, Điều chỉnh Quy hoạch nông nghiệp, phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

- Tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất thông qua giảm chi phí phân, thuốc, giống. Nâng cao chất lượng gạo, tăng diện tích giống xác nhận, giống chất lượng cao, lúa thơm đặc sản. Phân đầu nâng cao lợi nhuận cho người trồng lúa từ 35-40%, giảm lượng phân bón hóa học, lượng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học trong sản xuất lúa từ 30% trở lên.

- Khuyến cáo người nông dân áp dụng rộng rãi quy trình sản xuất lúa tiên tiến, bền vững (IPM, 3G3T, 1P5G, SRP,...), quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và tương đương, canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, sản xuất lúa hữu cơ,...

- Tập trung tăng nhanh tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất: chuyển dần từ gieo sạ bằng công cụ sang sử dụng máy cấy lúa đưa mức độ cơ giới hóa khâu gieo, cấy bằng máy đạt 15% diện tích; tối thiểu 20% diện tích gieo trồng lúa của toàn Tỉnh áp dụng sử dụng thiết bị bay không người lái để phun thuốc bảo vệ thực vật.

- Chủ động điều tiết cung, mở rộng thị trường, tăng cường liên kết kinh doanh giữa nông dân và doanh nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch, tăng cường chế biến tinh, chế biến sâu các sản phẩm từ lúa gạo, chế biến phụ phẩm, cải thiện công tác vận tải và hậu cần hỗ trợ tiếp thị, phát triển thị trường xây dựng thương hiệu lúa gạo Đồng Tháp.

- Thúc đẩy phát triển chế biến sâu các sản phẩm từ gạo và phụ phẩm. Đa dạng hóa sản phẩm chế biến, khai thác tiềm năng chế biến sâu lúa gạo để tăng thêm hiệu quả của chuỗi giá trị như: dầu gạo, bánh gạo, bột gạo, các sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng từ gạo, mỹ phẩm từ gạo,... nhất là từ các loại gạo hạt màu hay gạo thảo dược với hàm lượng vi chất cũng như các loại Omega cao, đổi mới công tác hỗ trợ tiếp thị, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu cho hạt gạo... Nghiên cứu sản xuất phân bón hữu cơ, trồng nấm hoặc làm thức ăn chăn nuôi từ rơm rạ cây lúa. Trấu được tái chế thành củi trấu, sản xuất gas sinh học (khí hóa trấu), làm nguyên liệu xây dựng sạch, than hoạt tính,...

- Cải thiện các giải pháp giúp tiếp cận thị trường tốt hơn thông qua mở rộng đầu tư xây dựng các mô hình hiệu quả như mô hình “Ruộng nhà mình”, “Canh tác lúa lý tưởng”...

## **2. Phát triển ngành hàng xoài**

- Phát triển ngành hàng xoài thành ngành hàng mũi nhọn theo hướng bền vững, có giá trị gia tăng cao thông qua tăng quy mô sản xuất, áp dụng tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP) và các tiêu chuẩn kỹ thuật bền vững tại vùng chuyên canh. Đến năm 2025, diện tích trên 11.000 ha các vùng trồng và cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sơ chế, đóng gói xoài xuất khẩu đều được cấp mã số, chiếm 100%, diện tích đủ điều kiện cấp mã số vùng trồng theo quy định<sup>4</sup>.

- Cải tiến quy trình kỹ thuật canh tác, nhất là kỹ thuật giống, sơ chế, đóng gói, bảo quản và chế biến xoài, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Tiếp tục lựa chọn 2 loại giống xoài chủ lực: Cát Chu và Cát Hòa Lộc đưa vào sản xuất, có kế hoạch chi tiết rà soát vườn xoài già cỗi, vườn xoài kém chất

<sup>4</sup> Các huyện, thành phố đăng ký cấp mã số vùng trồng trên xoài, giai đoạn 2021 - 2025.

lượng và vườn tạp, đi cùng với cơ chế hỗ trợ giống cho nhà vườn chuyển đổi sang sử dụng giống chất lượng cao và sạch bệnh.

- Chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, các đề tài đã được nghiên cứu vào sản xuất; ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản và sơ chế xoài theo yêu cầu thị trường; nghiên cứu cải thiện độ phì đất liếp trồng xoài; nghiên cứu vật liệu sản xuất bao trái phù hợp với tiêu chuẩn và hạ giá thành.

- Phân đầu ứng dụng đồng bộ công nghệ sau thu hoạch: vận chuyển, phân loại, cắt cuống, xử lý mũ, rửa, sấy khô và cuối cùng là dán nhãn; đóng gói, áp dụng công nghệ xử lý bằng hơi nước bão hòa (xử lý côn trùng) và cấp đông siêu tốc bằng chất lỏng (cấp đông nguyên trái), giảm tỷ lệ tổn thất, tăng chất lượng trái xoài, giảm tổn thất sau thu hoạch ít nhất 20%<sup>5</sup>, thời gian bảo quản có thể kéo dài đến 02 tháng. Khuyến khích các hình thức xử lý phế phẩm, phụ phẩm trong sản xuất, chế biến vỏ, hạt xoài để tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường (thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ,...); hình thành các mô hình doanh nghiệp kinh tế tuần hoàn trong ngành chế biến xoài.

- Phát triển nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý xoài Cao Lãnh sẽ tiếp tục ưu tiên các thị trường đã nhập khẩu xoài Việt Nam (như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và Hồng Kông), nghiên cứu thị trường chính ngạch của Trung quốc và phân khúc thị trường xoài tại các nước EU và Hoa Kỳ, bước đầu sẽ tiếp cận với cộng đồng người Việt tại Hà Lan, Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

- Phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành rau quả theo hướng đẩy mạnh nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản xuất trong nước các loại máy, trang thiết bị phù hợp với quy mô doanh nghiệp, các loại bao bì đóng gói thân thiện môi trường và các loại phụ gia, chất bảo quản rau quả đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Phát triển hệ thống hậu cần (logistics) phục vụ thương mại cho xoài và các loại nông sản khác gắn với chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp, hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư hệ thống vận chuyển, kho chứa lạnh và hệ thống xử lý, sơ chế trên cơ sở đề xuất yêu cầu và phương án kinh doanh của doanh nghiệp, HTX Tỉnh đặt tại các thành phố lớn cả nước.

### **3. Phát triển ngành hàng hoa kiểng**

- Phát triển ngành hoa kiểng trở thành ngành hàng chiến lược cấp tỉnh của Đồng Tháp theo hướng bền vững, có giá trị gia tăng cao thông qua tăng hiệu quả sản xuất, tăng cường liên kết giữa các hình thức kinh tế hợp tác nông hộ với doanh nghiệp. Diện tích gieo trồng hoa kiểng tập trung đạt trên 3.500 ha vào năm 2025, trong đó, thành phố Sa Đéc đạt trên 850 ha; huyện Lai Vung đạt trên 1.732 ha.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, chọn tạo các giống hoa kiểng mới, có chất lượng tốt, đặc trưng và phù hợp với điều kiện của tỉnh, thị hiếu người tiêu dùng. Suu tập, bảo tồn, phục tráng các giống hoa kiểng địa phương. Thực hiện tuyển chọn và bảo tồn giống bản địa 03 chủng loại hoa hồng (hồng nhung Sa

<sup>5</sup> Báo cáo Đánh giá Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2015 – 2020, định hướng kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025 và đến năm 2030

Đéc, hồng tường vi, hồng nữ hoàng)<sup>6</sup>; cải thiện giống hoa hồng lửa, cúc tiger. Phối hợp các viện, trường, câu lạc bộ, nghệ nhân, nông dân sản xuất giỏi, doanh nghiệp nghiên cứu, chuyên gia các tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất hoa, cây kiểng như: cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất và thu hoạch; kỹ thuật sản xuất hoa, kiểng thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thiện 3 - 5 quy trình nhân giống *in-vitro* các giống hoa kiểng mới (kiểng nội thất).

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm khác như sấy hoa, sản xuất nước hoa từ các loại hoa. Đầu tư xây dựng những mô hình ứng dụng công nghệ cao về hoa kiểng, nhất là các mô hình nhà màng, nhà lưới, sử dụng hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt phù hợp với điều kiện đầu tư của nhà vườn.

- Xây dựng những mô hình sản xuất hoa kiểng ổn định, bền vững, kết hợp với tham quan du lịch trải nghiệm. Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các mô hình sản xuất hoa, cây kiểng có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Rà soát và mở rộng quy hoạch vùng sản xuất hoa kiểng tập trung gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và Lễ hội/Festival hoa.

- Phát triển các hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi và dịch vụ hậu cần phục vụ sản xuất hoa kiểng gắn với du lịch.

- Đầu tư nâng cấp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Ứng dụng Nông nghiệp công nghệ cao Đồng Tháp trở thành đầu tàu của Tỉnh trong việc nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ trong nông nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển ngành hoa kiểng trở thành ngành hàng chiến lược của Tỉnh.

#### **4. Phát triển ngành hàng cá tra**

- Phát triển ngành hàng cá tra bền vững, hiện đại, phát triển vùng nuôi cá tra sạch, bền vững gắn với quy trình, quy chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Phân vùng nuôi cá tra thương phẩm theo 2 vùng. Vùng nuôi chính tiếp giáp với Sông Tiền, sông Hậu, các kênh rạch lớn tập trung ở huyện có tiềm năng như huyện Thanh Bình, huyện Cao Lãnh, huyện Châu Thành, huyện Tam Nông, huyện Tân Hồng, thành phố Hồng Ngự và huyện Hồng Ngự; vùng nuôi phụ là các huyện còn lại (trừ huyện Tháp Mười). Phấn đấu phát triển diện tích nuôi cá tra đến năm 2025 trên 2.450 ha, với sản lượng trên 555.000 tấn, chiếm 17,2% cơ cấu giá trị ngành nông, lâm, thủy sản (tăng 0,38% so với năm 2020). Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt trên 980<sup>7</sup> triệu USD; 100% cơ sở nuôi cá tra trong quy hoạch được cấp mã số nhận diện theo quy định hiện hành; 50% diện tích nuôi cá tra thương phẩm áp dụng và được chứng nhận tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt GAP và 90% diện tích hộ cá thể nuôi cá tra tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ.

- Hỗ trợ chọn tạo giống cá tra nhằm nâng cao chất lượng con giống, khắc phục tình trạng giống cá tra kém chất lượng; tăng cường quản lý giám sát quy trình kỹ thuật sản xuất giống, hỗ trợ cho các trại sản xuất giống cá tra bố mẹ đã qua chọn lọc về di truyền tăng trưởng nhanh, thích ứng tốt với dịch bệnh và môi

<sup>6</sup> Quyết định số 908/QĐ-UBND-HC ngày 09/7/2021 về phê duyệt Đề án khung bảo tồn gen trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

<sup>7</sup> Kế hoạch số 2143/KH-SCT ngày 04/10/2021 của Sở Công thương Phát triển ngành Công Thương 5 năm 2021 - 2025 (điều chỉnh lần 3).

trường. Phần đầu trên 75% con giống phục vụ nuôi thương phẩm là con giống chất lượng cao; đảm bảo 60% các cơ sở sinh sản cá tra bột phải sử dụng đàn cá cải thiện di truyền.

- Môi trường được giám sát chặt chẽ: đến năm 2025, có 60% diện tích vùng nuôi hệ thống xử lý nước thải, bùn thải theo quy định; 100% nguồn nước cấp trên dòng sông chính được quan trắc thường xuyên theo quy định.

- Khuyến khích các doanh nghiệp chế biến nâng cấp, đổi mới dây chuyền chế biến cá tra theo hướng tăng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ các phần còn lại của cá tra sau phi lê như bột xương làm thực phẩm, collagen dược phẩm, dịch thủy phân protein cá tra, phân bón sinh học từ phụ phẩm,... nâng cao giá trị ngành hàng cá tra.

- Tăng cường đầu tư nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước, cung cấp thông tin giúp doanh nghiệp và người sản xuất có thông tin về hàng rào kỹ thuật, kênh phân phối, thị hiếu của người tiêu dùng. Thực hiện chương trình hợp tác, đưa sản phẩm thủy sản Đồng Tháp vào thị trường Hà Nội. Trung tâm giới thiệu đặc sản và du lịch Đồng Tháp tại Hà Nội sẽ phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương Hà Nội để xây dựng hệ thống phân phối các sản phẩm cá tra tỉnh Đồng Tháp.

- Phần đầu đạt mục tiêu chung của ngành cá tra là chiếm 10 - 15% thị phần tiêu thụ nội địa trên tổng sản lượng.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu về lĩnh vực thủy sản của tỉnh trong đó có các dữ liệu về cá tra nhằm minh bạch hóa thông tin sản xuất và truy xuất nguồn gốc, góp phần thực hiện chuyển đổi số ngành nông nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp, HTX, người dân sử dụng hệ thống QR code để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

## **5. Phát triển ngành hàng sen**

- Phát triển ngành hàng sen hiệu quả, chất lượng, an toàn, có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường đảm bảo vệ sinh thực phẩm, bền vững. Đầu tư phát triển vùng sản xuất nguyên liệu sen tập trung với diện tích năm 2025 khoảng 1.400 ha, sản lượng ước đạt trên 1.148 tấn.

- Tăng cường nghiên cứu ứng dụng giống sen phù hợp với điều kiện tự nhiên, mở rộng sản xuất đối với các giống sen chuyên biệt, phục vụ cho các nhu cầu khác nhau như hoa trang trí, lấy hạt, lấy ngó, lấy lá, sản phẩm cao cấp, chiết suất từ sen... Tập trung nghiên cứu, đẩy nhanh dự án thí điểm 100 ha vùng trồng tại Tháp Mười để đưa ra được giống sen phù hợp với điều kiện tự nhiên, mở rộng sản xuất.

- Phát triển thêm ít nhất 60 sản phẩm chế biến từ sen được xếp hạng OCOP cấp Tỉnh; trong đó có ít nhất 01 sản phẩm chiết xuất từ sen. Nâng chất các sản phẩm từ sen hiện có để tham gia chương trình OCOP; xây dựng các sản phẩm từ sen phục vụ phát triển du lịch và Lễ hội Sen. Thực hiện cấp mã số vùng trồng gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho các vùng sen nguyên liệu và các sản phẩm chế biến.

- Xây dựng và hoàn thiện ít nhất 03 mô hình canh tác sen an toàn, chuyển đổi sang hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ và du lịch trải nghiệm. Các mô hình được cấp mã số vùng trồng gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Ứng dụng công nghệ số để số hoá, tự động hóa trong quy trình sản xuất, quản lý dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất; hình thành mạng lưới quan sát, quan trắc, truy xuất nguồn gốc và chuỗi cung ứng sản phẩm đảm bảo minh bạch, chính xác.

- Thu hút đầu tư các dự án chế biến các sản phẩm từ sen. Chú trọng đến việc gia công, chế biến sạch gắn với xây dựng thương hiệu sen để phân phối vào các kênh hệ thống bán lẻ trong và ngoài nước. Xây dựng một số sản phẩm từ sen có đủ chất lượng mang hương sắc Quốc Hoa/Nông Nghiệp Việt đến với bạn bè thế giới. Xây dựng không gian văn hoá cộng đồng mang bản sắc sen gắn với các điểm du lịch sinh thái.

## **6. Định hướng tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp**

Nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất lâm nghiệp, huy động tối đa các nguồn lực xã hội; phát huy tối đa các tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng, phát triển rừng bền vững; đóng góp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái gắn với xây dựng NTM; ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; ổn định tỷ lệ che phủ rừng; phát triển dịch vụ hệ sinh thái rừng, dịch vụ môi trường rừng.

Chú trọng công tác phát triển rừng, đặc biệt đối với rừng sản xuất, áp dụng các biện pháp chăm sóc và nuôi dưỡng rừng trồng tạo điều kiện để cây rừng sinh trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng.

Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp. Tổ chức mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh sử dụng các loại hình dịch vụ môi trường rừng như: dịch vụ kinh doanh du lịch sinh thái; cho thuê môi trường rừng. Triển khai hiệu quả, nâng cao chất lượng các dịch vụ lâm nghiệp (gieo trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng,...).

## **C. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

### **I. Tiếp tục phát huy các bài học thành công nhờ công tác tuyên truyền**

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền sâu rộng trong toàn dân, nâng cao chất lượng hoạt động trong các hội quán, tổ nhân dân tự quản, qua đó vận động hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức về chuyển đổi sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả sang kinh tế nông nghiệp, tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục theo dõi, hỗ trợ, giúp đỡ cho hoạt động các hội quán, tổ nhân dân tự quản và phát triển thêm các hội quán nếu đủ điều kiện.

- Lồng ghép việc tuyên truyền về Luật HTX, các chính sách liên quan đến HTX trong các buổi sinh hoạt thường kỳ của hội quán. Để các thành viên hội quán hiểu rõ về bản chất, vai trò, lợi ích khi tham gia HTX từ đó tự vận động thành lập HTX từ nền tảng mô hình hội quán; tập huấn và hướng dẫn sản xuất theo quy trình, ứng dụng KHCN, khắc phục được các hạn chế như sản xuất lạc hậu, dựa vào kinh nghiệm; tăng cường sức mạnh của nông hộ trong chuỗi liên kết hình thành vùng nguyên liệu, cánh đồng lớn.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động nông dân sản xuất và duy trì thường xuyên sản xuất nông nghiệp theo các tiêu chuẩn an toàn, thực hành nông nghiệp tốt hay cao hơn là sản xuất hữu cơ.

## **II. Đổi mới cơ chế**

- Thúc đẩy sự hợp tác giữa các hộ sản xuất thông qua các tổ chức kinh tế tập thể, nhằm hạn chế sản xuất manh mún (như HTX, THT, Hội quán). Để HTX hoạt động có hiệu quả, xây dựng HTX dựa trên nền tảng của hội quán là một giải pháp mạnh của Tỉnh. Nâng tầm phát triển các hội quán thành những HTX kiểu mới đại diện cho các hộ nông dân, phát triển năng lực của các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp gia đình kết nối với doanh nghiệp tiêu thụ cho HTX, phát triển các hoạt động về phân loại, sơ chế, bảo quản và bán hàng trực tiếp.

- Xây dựng mô hình về kinh tế hợp tác, có chính sách mang tính đột phá (cung cấp dịch vụ công như khuyến nông, bảo vệ sản xuất,... và tăng hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ công nghệ, lựa chọn cán bộ, đào tạo và trợ cấp lương cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật,...); khuyến khích các HTX xây dựng phương án sản xuất kinh doanh theo hướng đa dịch vụ để có thể cung ứng vật tư đầu vào và nông sản đầu ra cho nông dân, hình thành được niềm tin với khách hàng.

- Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp thống nhất và hiệu quả, thiết thực phục vụ cho doanh nghiệp hội viên. Nghiên cứu phát triển các mô hình phát triển hiệp hội cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp chế biến nông sản, doanh nghiệp thủy sản để hiệp hội ngành hàng thực sự là cơ quan có năng lực giúp doanh nghiệp tiếp cận thị trường hoặc cải thiện môi trường kinh doanh, đồng thời cung cấp các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho sản xuất nguyên liệu và chế biến nông sản (xây dựng các câu lạc bộ trao đổi thông tin, phối hợp kiến nghị chính sách, phối hợp quản lý tiêu chuẩn, phối hợp áp dụng KHCN xử lý môi trường nước, phối hợp thông tin thị trường, phát triển thị trường...).

- Xây dựng mô hình gắn kết giữa cộng đồng, HTX với doanh nghiệp trong các chuỗi giá trị, các vùng chuyên canh chính. Hình thành một số vùng chuyên canh cho ngành hàng chiến lược hoàn chỉnh.

- Nghiên cứu ban hành các chính sách mới sửa đổi/bổ sung các chính sách của Tỉnh không còn phù hợp với tình hình thực tế. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trung ương đã ban hành, đồng thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

- Đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng chuyển giao một số dịch vụ công do Nhà nước cung cấp sang cho tư nhân và các tổ chức xã hội thực hiện. Nhà nước tập trung chịu trách nhiệm về các hoạt động quản lý nhà nước mang tính hành chính công (xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, đàm phán hiệp định, xây dựng các tiêu chuẩn,...), hoạt động quản lý các công trình đầu mối quan trọng (công trình thủy lợi quốc gia, công trình giao thông, các vườn quốc gia,...), các hoạt động dịch vụ phi lợi nhuận (nghiên cứu cơ bản, kiểm dịch,...).

- Phát triển hiệp hội ngành hàng theo hướng khuyến khích hiệp hội tham gia vào dịch vụ công (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, thủy lợi), tham gia vào quản lý (tiêu chuẩn chất lượng, thị trường, quy hoạch).

### **III. Tăng cường áp dụng khoa học và công nghệ**

- Xây dựng các mô hình áp dụng KHCN số hóa trong cơ quan quản lý nhà nước để quản lý sản xuất, môi trường, thị trường,... (giám sát theo dõi tài nguyên đất, nước, tình hình sản xuất, tình hình dịch bệnh, môi trường và diễn biến khí hậu) để hỗ trợ cho các cơ quan cung cấp dịch vụ tài chính, dịch vụ kỹ thuật, các doanh nghiệp kinh doanh đầu vào và đầu ra thuận lợi trong việc tiếp cận người sản xuất, trong việc tạo niềm tin của người tiêu dùng với sản phẩm và xúc tiến thương mại trực tuyến.

- Xây dựng mô hình cải tiến, đổi mới hệ thống tổ chức lực lượng cán bộ kỹ thuật tại cơ sở (gắn với HTX, cộng đồng, doanh nghiệp,...).

- Tập trung giải quyết những vấn đề KHCN đang vướng mắc chính trong tỉnh: cải tạo đất, xử lý bệnh vườn cây ăn trái có múi, cơ giới hóa cây ăn trái, xử lý nước tuần hoàn cho nuôi trồng thủy sản,... Đặc biệt, đối với vùng cây ăn trái, tình trạng dịch bệnh kéo dài hoặc ở các vùng cây có múi cần phải được xử lý một cách dứt điểm và gắn với công tác cung cấp giống tiêu chuẩn.

- Tập trung giải quyết các vấn đề quản lý chưa hiệu quả: xử lý thông tin thị trường, ứng dụng công nghệ số hóa và tổ chức quản lý để phát triển các mô hình tạo lòng tin khách hàng, gắn kết thị trường (như mô hình “Cây xoài nhà tôi”, mô hình “Ruộng nhà mình”,...).

- Nghiên cứu KHCN để phát triển các hệ thống canh tác tiên tiến, phù hợp điều kiện biến đổi khí hậu: lúa kết hợp thủy sản; lúa - rau, màu; vườn cây ăn trái kết hợp chăn nuôi, thủy sản; sản xuất thủy sản công nghiệp; sản xuất thủy sản sinh thái...

- Hướng tới xây dựng các trung tâm kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp với hàm lượng công nghệ cao như các trung tâm sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; các trung tâm xử lý nông sản (chiếu xạ, xử lý nhiệt, đông lạnh, sấy, xử lý hóa chất,...), Trung tâm đầu mối ở Đồng Tháp gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo ở vùng sinh thái nước ngọt.

- Quan tâm hơn nữa việc ứng dụng nền tảng Internet vạn vật trong canh tác nông nghiệp, giải pháp chuyển đổi số, ứng dụng các thành tựu của Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong các khâu của chuỗi giá trị nông sản. Đặc biệt, ưu tiên cho các dự án áp dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, xây dựng liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp.

- Hướng tới phát triển hệ thống “kế toán, nhật ký” đồng ruộng, thị trường tích hợp với chuyển đổi số ngành nông nghiệp để nắm bắt rõ tình hình sản lượng sản xuất - tiêu thụ.

- Phát triển KHCN trên cơ sở phối hợp giữa các ngành tỉnh có liên quan với viện nghiên cứu, trường đại học ở trong và ngoài tỉnh trong nghiên cứu ứng dụng (nhất là về giống, bảo vệ thực vật, thú y), nghiên cứu thị trường, nghiên cứu lịch sử - văn hóa để ứng dụng các tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh



nông nghiệp và du lịch; phát triển dịch vụ phục vụ KHCN (sản xuất giống, sửa chữa máy móc, hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ).

#### **IV. Phát triển thị trường**

- Nâng cao năng lực, phát triển các đơn vị xúc tiến thương mại, phát triển thị trường (dự báo phân tích thị trường, các rào cản, quy định mới, triển lãm, sàn giao dịch hàng hóa nông sản,...) của Tỉnh.

- Chú trọng vào khai thác thị trường nội địa và đa dạng thị trường xuất khẩu. Kết hợp việc phát triển thị trường với công tác thu hút đầu tư doanh nghiệp vào địa bàn của Tỉnh. Xây dựng các chuỗi giá trị trong nước, gắn kết với các hệ thống siêu thị tại các thị trường trọng yếu (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội) và các khu vực đô thị khác. Thúc đẩy các mô hình đã thành công gắn kết với thị trường như mô hình “Cây xoài nhà tôi”, mô hình “Ruộng nhà mình”; thúc đẩy thương mại điện tử cho các sản phẩm trong tỉnh cả những sản phẩm chủ lực cũng như những sản phẩm vùng miền. Cùng với doanh nghiệp định hướng từng bước chuyển đổi xuất khẩu sang chính ngạch. Nghiên cứu, hợp tác với các hội, hiệp hội, các doanh nghiệp nước ngoài để sản xuất và đưa sản phẩm của Tỉnh ra thị trường quốc tế.

- Đầu tư, xây dựng thương hiệu nông sản Đồng Tháp, nhất là việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý ở nước ngoài đối với các mặt hàng nông sản xuất khẩu thế mạnh của tỉnh (gạo, trái cây đặc sản,...). Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nông sản, giống cây trồng ở địa phương.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, các nhà bán lẻ, hệ thống siêu thị, các sàn thương mại điện tử xây dựng mô hình tiêu thụ nông sản cho bà con nông dân.

- Liên kết chặt chẽ với cơ quan xúc tiến thương mại, phát triển thị trường của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, đại diện ngoại giao của Việt Nam ở các thị trường trọng điểm, chủ động thông tin hai chiều để giám sát cung và kết nối cầu. Đầu tư văn phòng đại diện tiêu thụ nông sản của tỉnh tại Hà Nội, đẩy mạnh kênh thương mại điện tử, công nghệ số bán hàng qua các sàn giao dịch, phân phối nông sản cho thị trường Hà Nội và các vùng lân cận.

- Nghiên cứu xây dựng mô hình thí điểm về Trung tâm cung ứng nông sản để dần thay thế một số chợ đầu mối hiện nay, không chỉ là nơi buôn bán hàng hóa mà còn là nơi phát triển các dịch vụ hỗ trợ thương mại như phân loại, vận chuyển, kho lạnh, kiểm dịch động thực vật, tư vấn hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp thông tin thị trường...

- Nghiên cứu xây dựng đề án thúc đẩy tiêu thụ và xuất khẩu nông sản của tỉnh. Dựa trên Chiến lược xuất khẩu nông sản cấp quốc gia, ngành Công Thương xây dựng đề án của Tỉnh nhằm thúc đẩy xuất khẩu bền vững nông sản vào các thị trường, nâng cao khả năng tiếp cận với các thị trường cao cấp đồng thời gắn kết các nhà đầu tư, thương mại toàn cầu với các doanh nghiệp, HTX của Tỉnh.

- Tập trung phát triển quan hệ, kết nối trực tiếp với các đơn vị phân phối, bán lẻ,... của một số ngành hàng chính tại một số thị trường quốc tế quan trọng và ở các thành phố lớn trong nước.

- Có chương trình đầu tư hỗ trợ để củng cố thành công cách tiếp cận bán hàng thông qua xây dựng lòng tin của khách hàng (hình thành vùng chuyên canh điển hình, các HTX mạnh, hệ thống thông tin đáng tin cậy,...).

#### **V. Thúc đẩy phát triển nông thôn tạo điều kiện phát triển nông nghiệp**

- Tiếp tục rút lao động ra khỏi nông nghiệp, tạo điều kiện tập trung, tích tụ đất đai, thúc đẩy quá trình ứng dụng KHCN. Chính thức hóa thị trường lao động (từ Chương trình đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, lao động di cư và lao động làm dịch vụ,...).

- Mô hình NTM trong đó phân cấp trao quyền cho cộng đồng dựa trên hoạt động của hội quán, tổ nhân dân tự quản về chủ động tham gia quản lý tình hình phòng chống dịch bệnh, quản lý tài nguyên, trật tự xã hội và phát triển kinh tế, nhất là cho hoạt động du lịch để tạo điều kiện nâng cao thu nhập dân cư, xây dựng nền nông nghiệp đa chức năng.

- Tiếp tục cải thiện hạ tầng giao thông nông thôn, đặc biệt hạ tầng tại các vùng chuyên canh để tạo điều kiện cho các xe vận tải lớn vào thu mua nông sản.

- Thu hút tư nhân đầu tư hạ tầng kho bãi, kho lạnh/kho mát/ kho tạm trữ tại các vùng nguyên liệu lớn để hỗ trợ cho các HTX, doanh nghiệp giảm giá thành vận chuyên tạo điều kiện thúc đẩy thương mại nông sản.

- Triển khai xây dựng và nhân rộng các hạ tầng số như: các trạm quan trắc, trạm giám sát sâu bệnh, mực nước tại các vùng chuyên canh dự báo thông tin về sâu bệnh, thời tiết cho nông dân.

- Thí điểm đầu tư theo hình thức liên kết công tư thu hút doanh nghiệp đầu tư vào cơ sở hạ tầng phục vụ TCCNN như Trung tâm đầu mối, Trung tâm thúc đẩy đổi mới KHCN.

#### **VI. Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- UBND các cấp (tỉnh, huyện) chỉ đạo các ngành chuyên môn tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, cập nhật kiến thức về sản xuất, chế biến nông sản, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật tiên tiến vào quy trình sản xuất, liên kết cho thành viên HTX, THT, hội viên các hội quán; quan tâm giới thiệu các công ty, doanh nghiệp hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

- Đối với nông dân: tiến hành đào tạo nông dân chuyên nghiệp một cách bài bản dựa trên nền tảng mô hình Trường cấp 3 nông nghiệp hoặc các mô hình đào tạo khác của Nhật Bản; nội dung đào tạo nông dân không chỉ dừng lại ở sản xuất nông nghiệp, mà cần đẩy mạnh vào việc phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi số, an toàn thông tin cho nông dân; sản xuất gắn với tiêu thụ dựa trên nền tảng thương mại số, sàn thương mại điện tử. Đào tạo nghề cho nông dân theo hướng “trí thức hóa nông dân”, thực hiện có hiệu quả việc chuyển dịch lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp: gắn đào tạo nghề với yêu cầu của thị trường (làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng,

dịch vụ phi chính thức đô thị, chế biến nông sản,...); gắn đào tạo nghề với tham gia và định hướng của doanh nghiệp (gắn với vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu của doanh nghiệp, gắn với doanh nghiệp tiếp nhận lao động phi nông nghiệp, xuất khẩu lao động,...); gắn đào tạo lao động với cộng đồng nông thôn (đi làm thợ về làm chủ, khuyến học, xây dựng HTX,...); nghiên cứu chính sách chính thức hóa lao động phi chính thức (đăng ký lao động gắn với đào tạo nghề, xây dựng nghiệp đoàn lao động cho các ngành nghề phi chính thức, hỗ trợ ký kết bảo hiểm xã hội, cho vay vốn,...). Có chính sách trợ cấp, khuyến khích đào tạo nông dân, con em nông dân về kinh tế/kinh doanh nông nghiệp, khởi nghiệp nông nghiệp.

- Đối với cán bộ: thay đổi nhận thức của đội ngũ cán bộ về tư duy làm “kinh tế” nông nghiệp gắn với tư duy “quản trị” nông nghiệp (quy hoạch, dự trù các phương án và phòng trừ rủi ro). Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp xã, huyện về quản lý kinh tế, kinh tế/kinh doanh nông nghiệp; chính sách bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao có tư duy, năng lực quản lý kinh tế, kinh tế/kinh doanh nông nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, huyện.

- Thu hút và tiếp tục đào tạo nguồn cán bộ chất lượng cao: có chính sách ưu đãi thu hút các cán bộ chất lượng cao, đặc biệt các cán bộ liên quan đến lĩnh vực phát triển thương mại nông sản, xây dựng hình ảnh và phát triển thương hiệu nông sản, các cán bộ có kiến thức sâu rộng về phát triển tiêu thụ nông sản thông qua các sàn thương mại điện tử,... về làm tại tỉnh và các địa phương. Tiếp tục hỗ trợ ngân sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại nước ngoài cho tỉnh và cho lĩnh vực kinh tế, nông nghiệp và môi trường.

## **VII. Chuyển dịch lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp tạo điều kiện tập trung, tích tụ ruộng đất**

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với chương trình giải quyết việc làm, chương trình lao động có thời hạn ở nước ngoài, tạo sự chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất lao động nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương và định hướng phát triển dịch vụ, công nghiệp ở khu vực nông thôn theo thế mạnh của từng vùng và địa phương.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo cho các tình nguyện viên các địa phương, người nông dân các kiến thức về thị trường, kinh tế hợp tác, chuỗi cung ứng, quy trình sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, bảo vệ môi trường, kiến thức về phòng, chống thiên tai, dịch bệnh,... Đặc biệt, hỗ trợ để người dân làm chủ công nghệ thông tin trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

## **VIII. Liên kết**

- Phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp dịch vụ. Tập trung phát triển hệ thống công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp cả đầu vào và chế biến

nông sản đầu ra, phát triển tốt hệ thống dịch vụ hậu cần và các dịch vụ phục vụ sản xuất.

- Tiến hành liên kết các dịch vụ công theo vùng như cơ sở hạ tầng đường thủy, đường bộ; quản lý và kiểm soát cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch động thực vật, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xúc tiến thương mại và đầu tư, dự báo thời tiết, phòng chống thiên tai, dự báo thị trường,...

- Đẩy mạnh Đề án liên kết tiêu vùng Đồng Tháp Mười, thử nghiệm trong điều tiết lũ, điều tiết giữa trồng lúa và nuôi trồng thủy sản, kiểm soát nước mặt, nước ngầm.

- Xây dựng và quản lý chặt chẽ, khoa học, minh bạch mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói với chương trình chuyển đổi số ngành nông nghiệp, gắn từng mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói với quyền lợi và trách nhiệm của từng nông hộ để xây dựng và bảo vệ thương hiệu.

- Cải tiến tổ chức và thể chế để xử lý các nút thắt làm tăng chi phí, kéo dài thời gian, làm giảm hiệu quả của chuỗi giá trị.

### **IX. Bảo vệ đất nông nghiệp, khuyến khích tập trung, tích tụ đất nông nghiệp cho sản xuất quy mô lớn**

- Dựa trên đề án chuyển đổi số nông nghiệp, xây dựng nền tảng về thông tin, dữ liệu, cơ chế vận hành và xây dựng các mô hình thí điểm để bảo vệ môi trường đất, môi trường nước, bảo vệ hệ sinh thái nông nghiệp của Tỉnh.

- Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ cho nông dân trong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vay ưu đãi để phát triển trang trại sản xuất hàng hóa nông nghiệp quy mô lớn.

- Tạo điều kiện linh hoạt chuyển đổi cơ cấu các loại cây trồng vật nuôi để thích ứng với nhu cầu thị trường.

### **X. Thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp nông thôn**

- Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, trong hoạt động hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi liên hệ công tác.

- Ứng dụng công nghệ số để số hóa dữ liệu quản lý, hướng đến tự động hoá trong quy trình thu thập - xử lý - báo cáo - lưu trữ hệ thống dữ liệu thống kê thuộc lĩnh vực trồng trọt - bảo vệ thực vật, chăn nuôi - thú y - thủy sản, kiểm lâm, phát triển nông thôn, thủy lợi, nước sạch - vệ sinh môi trường nông thôn, khuyến nông, nông thôn mới, OCOP, thanh tra chuyên ngành - quản lý chất lượng,... góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành.

- Ứng dụng công nghệ số để số hoá quy trình sản xuất an toàn, hình thành mạng lưới quan sát - quan trắc, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất và đảm bảo thông tin truy xuất được thuận tiện, minh bạch, chính xác; dần tiến đến chuyển đổi số toàn diện trong sản xuất nông nghiệp, hình thành mạng lưới quan sát - quan trắc tự động phục vụ hoạt động chuyên dịch sản xuất theo hướng kinh tế nông nghiệp, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ số để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lớn về thổ nhưỡng; về đặc tính thích nghi của cây trồng, vật nuôi, thủy sản; về thông tin thị trường,... phục vụ công tác định hướng phát triển vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, an toàn, tuần hoàn gắn hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp góp phần tạo giá trị mới cho nông sản.

### **XI. Phát triển bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn**

- Hình thành hệ thống giám sát, theo dõi diễn biến nước ngầm, xây dựng chính sách quản lý, khai thác để đảm bảo khả năng bù đắp nguồn nước ngầm ổn định.

- Xây dựng hệ thống thông tin liên kết số liệu của các trạm đo thủy văn để giám sát tình hình diễn biến thủy văn, tổ chức thu thập số liệu quan trắc để phân tích dự báo thường xuyên và công khai số liệu.

- Hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp về tiếp cận thông tin, chuyển đổi sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững theo lộ trình phù hợp.

### **XII. Phát triển nguồn vốn, đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân vào địa bàn tỉnh, tăng cường hợp tác quốc tế**

- Tiếp tục ổn định và cải thiện môi trường đầu tư của Tỉnh. Phát triển mô hình cà phê với doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư vào địa bàn của tỉnh. Liên hệ với các tổ chức, văn phòng thương mại của các nước tổ chức các buổi tọa đàm, diễn đàn về đầu tư.

- Tích cực mời gọi doanh nghiệp đủ năng lực về vốn, KHCN và thị trường (doanh nghiệp đầu tàu) để dẫn dắt chuỗi giá trị vận hành thông suốt, hiệu quả. Thí điểm phát triển mô hình cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản tại địa phương. Thực hiện kêu gọi doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư phát triển Trung tâm thu mua nông sản (chợ đầu mối) theo hướng đầu tư đồng bộ nhà máy chế biến, sơ chế, bảo quản đặt tại các vùng sản xuất tập trung nhằm hạn chế tình trạng nông sản bị giảm chất lượng do vận chuyển xa. Vận động, hỗ trợ người sản xuất hình thành các điểm trưng bày, bán nông sản đặc trưng của địa phương tại các điểm du lịch, các trạm dừng chân góp phần quảng bá và cung cấp nông sản chất lượng đến người tiêu dùng.

- Đổi mới căn bản công tác huy động vốn đầu tư phát triển xã hội trên cơ sở phát huy vai trò trung tâm của đầu tư tư nhân trong tất cả các lĩnh vực từ phát triển cơ sở hạ tầng đến dịch vụ, tạo công ăn việc làm (phát triển doanh nghiệp dệt may, da giày, chế biến nông sản, các doanh nghiệp nối kết xuất khẩu lao động).

- Đổi mới cơ chế và hình thức đầu tư công theo hướng đầu tư công chỉ tập trung vào vai trò làm chất xúc tác cho đầu tư tư nhân đối với các công trình và dịch vụ an sinh xã hội, dịch vụ môi trường thiết yếu.

- Tận dụng các hình thức liên kết công - tư trong huy động và sử dụng vốn đầu tư để tăng hiệu quả của đầu tư công, đồng thời phát huy được các thế mạnh của tư nhân về vốn, KHCN, quản lý...

- Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài kết hợp với vốn viện trợ phát triển chính thức để nâng cao khả năng tham gia vào các chuỗi giá trị toàn

cầu, tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật, tri thức về quản lý, kinh doanh và xây dựng chính sách.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong xây dựng các mô hình tiên tiến, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới cơ chế, thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị, liên kết đào tạo và sử dụng lao động nông nghiệp nông thôn.

#### **D. CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**I.** Để thực hiện thành công Đề án TCCNN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu thúc đẩy mạnh tăng trưởng nông nghiệp và chuyển biến kinh tế nông thôn; giai đoạn từ năm 2026 - 2030 là giai đoạn hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông nghiệp quy mô lớn và bền vững. Cần phải tập trung vào việc triển khai thực hiện, lồng ghép thực hiện một số chính sách, chương trình, đề án có liên quan sau:

- Đề án Tái cơ cấu ngành Công nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025;
- Đề án phát triển du lịch góp phần tạo dựng hình ảnh tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.
- Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- Đề án về việc làm và đưa lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng.
- Chương trình OCOP đến năm 2025.
- Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 17/08/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 17/08/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**II.** Tiến hành rà soát một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp chưa hiệu quả và không còn phù hợp với tình hình thực tế của Tỉnh. Từ đó, làm cơ sở để thực hiện đồng bộ các chính sách trên địa bàn Tỉnh, thông qua việc thành lập tổ nghiên cứu chính sách, trong đó thành viên là các chủ thể liên quan đến các chính sách hiện hành. Để tiến hành rà soát lại những bất cập, trùng lặp, đề xuất các nội dung cần tích hợp, cần bổ sung để có thể ban hành những chính sách tổng quan, mang tính khả thi ổn định và phù hợp với định hướng tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng NTM của Tỉnh.

#### **E. KINH PHÍ**

Thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Tỉnh bố trí thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp. Ngoài ra còn thực hiện lồng ghép từ nguồn vốn các chương trình, đề án, dự án, các nguồn vốn hợp tác công tư và vốn tài trợ khác hợp pháp.

#### **F. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Thành lập Tổ nghiên cứu chính sách, trong đó thành viên là các chủ thể liên quan đến các chính sách hiện hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Để tiến hành rà soát lại những bất cập, trùng lặp, đề xuất các nội dung cần tích hợp, cần bổ sung để ban hành chính sách tổng quan, mang tính khả thi ổn định và phù hợp với định hướng tái cơ cấu nông nghiệp của Tỉnh.

**2.** Các sở, ban, ngành Tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội Tỉnh; các huyện, thành phố cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý thành các chương trình, kế hoạch, dự án,... tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, cho chủ trương để triển khai thực hiện theo lộ trình hàng năm, đảm bảo tính khả thi, đúng tiến độ và nội dung của Đề án đề ra. Hàng năm có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch thuộc lĩnh vực của đơn vị về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 01/12.

**3.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với sở, ngành, các đơn vị liên quan, triển khai thực hiện các nội dung của Đề án; là đầu mối theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Đề án; tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; đồng thời, đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc, bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình, yêu cầu mới.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 591/QĐ-UBND.HC ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về phê duyệt Đề án TCCNN đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- UBMTTQVN Tỉnh;
- Các Tổ chức CT-XH Tỉnh;
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- Sở, ban, ngành Tỉnh;
- TV BCĐ NTMTCCNN Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- UBND huyện, tp;
- VPĐP NTMTCCNN Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/KT (VA).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Thiện Nghĩa**